

Số: 39/QĐ- ĐHSPKTVL-ĐT

Vĩnh Long, ngày 25 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp Đại học hệ chính quy

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VĨNH LONG

Căn cứ Quyết định số 1785/QĐ-LĐTBXH ngày 21/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và xã hội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long;

Căn cứ Quyết định số 95/QĐ-ĐHSPKTVL-ĐT ngày 09/9/2020 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long về việc ban hành quy định đào tạo đại học và cao đẳng theo học chế tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 27/QĐ-ĐHSPKTVL-ĐT ngày 04/3/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long về việc thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp đợt 1 năm 2022;

Căn cứ Kết quả học tập, rèn luyện toàn khóa học của sinh viên các khóa Đại học chính quy đủ điều kiện xét tốt nghiệp đợt 1 năm 2022;

Căn cứ Biên bản xét công nhận tốt nghiệp Đại học hệ chính quy đợt 1 năm 2022 của Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp họp ngày 21/3/2022;

Xét đề nghị của Ông Phụ trách phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp **ĐẠI HỌC** hệ chính quy cho **265** sinh viên (có danh sách kèm theo), các loại văn bằng như sau:

TT	Văn bằng	Số SV	Hạng tốt nghiệp			
			Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình
1	Bằng Kỹ sư	218	6	35	109	68
2	Bằng Bác sĩ thú y	43	7	11	24	1
3	Bằng Cử nhân	4	0	0	4	0
Tổng cộng		265	13	46	137	69

Điều 2. Mọi chế độ, quyền lợi và nghĩa vụ của sinh viên được cắt khỏi Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long kể từ ngày ký quyết định.

Điều 3. Ông (Bà) Trưởng các Phòng, Khoa, Trung tâm, Đơn vị liên quan và những sinh viên có tên trong danh sách kèm theo ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Như Điều 3;
- Lưu: P.ĐT.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Lao Hùng Phi

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG KỸ SƯ HỆ CHÍNH QUY - ĐỢT 1 NĂM 2022

(Kèm theo quyết định số: 39/QĐ-ĐHSPKTVL-ĐT ngày 25 tháng 3 năm 2022)

TT	Mã SV	Họ và tên	Mã lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	ĐTBCTL	Hạng tốt nghiệp	Ghi chú
I	Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí									
1	15008031	Nguyễn Nhật Vi Hùng	1CCK15A	16/04/1997	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.54	Khá	
2	15008055	Nguyễn Thiện Nhân	1CCK15A	04/11/1996	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.42	Trung bình	
3	15008087	Trần Quốc Thịnh	1CCK15A	16/09/1997	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.37	Trung bình	
4	15008103	Lê Tường	1CCK15A	29/9/1997	Đồng Tháp	Nam	Kinh	2.33	Trung bình	
5	16008002	Huỳnh Quốc Anh	1CCK16A	16/12/1997	Đồng Tháp	Nam	Kinh	2.08	Trung bình	
6	16008031	Nguyễn Nhựt Khánh	1CCK16A	29/12/1997	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.32	Trung bình	
7	16008048	Bùi Thiện Ngoan	1CCK16A	19/9/1998	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2	Trung bình	
8	16008082	Nguyễn Minh Triết	1CCK16A	04/7/1998	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.45	Trung bình	
9	16008100	Trần Thanh Khoa	1CCK16A	06/6/1998	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.5	Khá	
10	16008106	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	1CCK16A	01/12/1998	Đồng Tháp	Nữ	Kinh	2.87	Khá	
11	17008004	Huỳnh Tuấn An	1CCK17A1	05/8/1999	Trà Vinh	Nam	Kinh	2.6	Khá	
12	17008011	Phạm Văn Chiêu Bình	1CCK17A1	17/9/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.57	Khá	
13	17008025	Nguyễn Vĩnh Đạt	1CCK17A1	24/8/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.32	Trung bình	
14	17008033	Nguyễn Phước Điền	1CCK17A1	15/4/1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	2.68	Khá	
15	17008036	Nguyễn Hữu Đức	1CCK17A1	04/02/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.91	Khá	
16	17008071	Trương Minh Hiếu	1CCK17A1	27/3/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.33	Trung bình	
17	17008073	Lê Minh Hiếu	1CCK17A1	15/4/1997	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.4	Trung bình	
18	17008074	Trần Thanh Hiếu	1CCK17A1	16/11/1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	2.66	Khá	
19	17008077	Phan Nhựt Huy	1CCK17A1	26/6/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.06	Khá	
20	17008080	Huỳnh Phát Huy	1CCK17A1	23/5/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.23	Giỏi	
21	17008083	Đào Thanh Huy	1CCK17A1	17/6/1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	3.14	Khá	
22	17008087	Nguyễn Hoàng Khải	1CCK17A1	05/8/1999	Bến Tre	Nam	Kinh	2.9	Khá	
23	17008096	Trương Hữu Khang	1CCK17A1	19/3/1999	Trà Vinh	Nam	Kinh	2.51	Khá	
24	17008098	Phan Hoàng Khanh	1CCK17A1	02/8/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.61	Khá	
25	17008103	Trần Đăng Khoa	1CCK17A1	16/9/1999	Bạc Liêu	Nam	Kinh	2.5	Khá	
26	17008106	Nguyễn Tuấn Kiệt	1CCK17A1	08/10/1999	Bến Tre	Nam	Kinh	2.73	Khá	
27	17008110	Nguyễn Tô Lăng	1CCK17A1	17/3/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.28	Trung bình	
28	17008112	Nguyễn Tấn Liêm	1CCK17A1	22/12/1998	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.26	Trung bình	
29	17008131	Nguyễn Hoàng Nam	1CCK17A1	29/8/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.63	Khá	
30	17008138	Lê Hữu Nghĩa	1CCK17A2	29/8/1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	3.25	Giỏi	
31	17008141	Huỳnh Tấn Ngọt	1CCK17A2	04/12/1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	2.97	Khá	
32	17008145	Trần Thanh Nhân	1CCK17A2	02/12/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.47	Trung bình	
33	17008166	Nguyễn Hoài Phong	1CCK17A2	11/11/1999	Tiền Giang	Nam	Kinh	3.54	Giỏi	
34	17008174	Lê Hoàng Phước	1CCK17A2	16/10/1998	Tiền Giang	Nam	Kinh	2.59	Khá	
35	17008184	Nguyễn Thanh Quyền	1CCK17A2	05/4/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.52	Khá	
36	17008191	Nguyễn Hữu Tài	1CCK17A2	08/3/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.7	Khá	
37	17008199	Nguyễn Chí Tâm	1CCK17A2	09/10/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.83	Khá	
38	17008201	Nguyễn Thanh Tân	1CCK17A2	19/5/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.37	Trung bình	
39	17008204	Nguyễn Quốc Thái	1CCK17A2	06/8/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.15	Trung bình	
40	17008210	Nguyễn Đình Thi	1CCK17A2	17/5/1999	Bến Tre	Nam	Kinh	2.49	Trung bình	
41	17008217	Phan Phước Thịnh	1CCK17A2	06/12/1999	Kiên Giang	Nam	Kinh	2.54	Khá	
42	17008231	Hà Mạnh Trí	1CCK17A2	20/8/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.47	Trung bình	
43	17008235	Trịnh Trần Trinh	1CCK17A2	21/4/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.45	Trung bình	

TT	Mã SV	Họ và tên	Mã lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	ĐTBCTL	Hạng tốt nghiệp	Ghi chú
44	17008241	Nguyễn Hoàng Quốc Trung	1CCK17A2	19/6/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.48	Trung bình	
45	17008247	Phạm Quang Trường	1CCK17A2	09/4/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.26	Trung bình	
46	17008258	Trương Khánh Văn	1CCK17A2	24/01/1999	Trà Vinh	Nam	Kinh	3.17	Khá	
47	17008259	Nguyễn Quang Vĩ	1CCK17A2	14/3/1999	Bến Tre	Nam	Kinh	3.25	Giỏi	
48	17008260	Lê Quốc Việt	1CCK17A2	10/11/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.88	Khá	
49	17008265	Nguyễn Thế Vinh	1CCK17A2	21/11/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.92	Khá	
50	17008267	Nguyễn Hoàng Vũ	1CCK17A2	30/9/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.57	Khá	
51	18008099	Quách Văn Nhiều	1CCK18A1	25/5/2000	Cà Mau	Nam	Kinh	3.37	Giỏi	
52	18008105	Phan Hoàng Phong	1CCK18A1	26/3/2000	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.8	Khá	
53	18008106	Lê Phong Phú	1CCK18A1	25/9/2000	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.37	Giỏi	
54	18008121	Nguyễn Tấn Tài	1CCK18A1	18/7/2000	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.94	Khá	
55	18008155	Lê Tấn Tú	1CCK18A1	12/10/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3	Khá	
II	Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử									
56	17006001	Nguyễn Thanh An	1CDT17A	26/9/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.49	Giỏi	
57	17006003	Nguyễn Phước An	1CDT17A	15/02/1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	2.77	Khá	
58	17006025	Lê Minh Khang	1CDT17A	16/7/1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	3.26	Giỏi	
59	17006026	Trần Anh Khoa	1CDT17A	01/01/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.08	Khá	
60	17006029	Nguyễn Trung Kiên	1CDT17A	11/8/1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	2.77	Khá	
61	17006031	Hồ Hoàng Kiệt	1CDT17A	29/5/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.55	Khá	
62	17006033	Nguyễn Hoàng Lộc	1CDT17A	18/02/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.14	Khá	
63	17006038	Ông Nhựt Nam	1CDT17A	24/02/1999	Kiên Giang	Nam	Kinh	3.27	Giỏi	
64	17006043	Nguyễn Tấn Phát	1CDT17A	16/9/1999	Tiền Giang	Nam	Kinh	3.24	Giỏi	
65	17006046	Lê Nguyễn Bảo Phúc	1CDT17A	14/9/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.87	Khá	
66	17006048	Nguyễn Hoàng Phúc	1CDT17A	15/10/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.87	Xuất sắc	
67	17006050	Âu Thanh Phụng	1CDT17A	08/4/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.57	Giỏi	
68	17006051	Lê Nhứt Quân	1CDT17A	09/10/1999	Tiền Giang	Nam	Kinh	2.59	Khá	
69	17006052	Lê Lâm Minh Quân	1CDT17A	03/12/1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	2.92	Khá	
70	17006056	Nguyễn Thanh Sang	1CDT17A	23/5/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.53	Giỏi	
71	17006067	Trần Hoàng Tiến	1CDT17A	13/01/1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	2.94	Khá	
72	17006068	Nguyễn Nhân Tính	1CDT17A	09/5/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.16	Khá	
73	17006069	Cao Nguyễn Hữu Toàn	1CDT17A	18/9/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.9	Xuất sắc	
74	17006071	Lê Mỹ Trang	1CDT17A	12/6/1999	Kiên Giang	Nữ	Kinh	3.86	Xuất sắc	
75	17006075	Ngô Thành Trương	1CDT17A	10/11/1999	Bến Tre	Nam	Kinh	3.04	Khá	
76	17006077	Nguyễn Trần Đình Văn	1CDT17A	22/3/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.86	Khá	
III	Ngành Công nghệ sinh học									
77	17014025	Nguyễn Thị Tú Như	1CSH17A	24/4/1999	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	2.56	Khá	
78	17014027	Nguyễn Hữu Phát	1CSH17A	07/4/1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	2.78	Khá	
IV	Ngành Công nghệ chế tạo máy									
79	17002015	Lê Tuấn Khoa	1CTM17A	01/01/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.37	Giỏi	
80	17002018	Lê Vũ Linh	1CTM17A	10/02/1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	2.62	Khá	
81	17002034	Triệu Vĩnh Thông	1CTM17A	13/01/1999	Kiên Giang	Nam	Hoa	2.41	Trung bình	
82	17002036	Nguyễn Trung Tín	1CTM17A	08/01/1998	Hậu Giang	Nam	Kinh	2.39	Trung bình	
83	17002040	Trần Anh Tuấn	1CTM17A	12/10/1998	Sóc Trăng	Nam	Kinh	2.55	Khá	
84	18002016	Bùi Thế Kiệt	1CTM18A	18/02/2000	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.34	Giỏi	
85	18002031	Nguyễn Thanh Truyền	1CTM18A	25/8/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.59	Khá	
V	Ngành Công nghệ thực phẩm									
86	16005200	Hồ Thị Phượng Quỳnh	1CTP16A	24/10/1997	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	2.26	Trung bình	
87	17005008	Đặng Thị Huế Anh	1CTP17A1	03/12/1999	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	2.2	Trung bình	

TT	Mã SV	Họ và tên	Mã lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	ĐTBCTL	Hạng tốt nghiệp	Ghi chú
88	17005011	Nguyễn Huỳnh Hồng Anh	ICTP17A1	07/11/1999	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	2.38	Trung bình	
89	17005047	Phạm Đồng Duy	ICTP17A1	24/12/1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	3.14	Khá	
90	17005053	Nguyễn Hồng Gấm	ICTP17A1	17/12/1999	Đồng Tháp	Nữ	Kinh	2.43	Trung bình	
91	17005060	Nguyễn Thị Tuyết Hạnh	ICTP17A1	06/3/1999	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	2.16	Trung bình	
92	17005061	Cao Đức Hậu	ICTP17A1	28/10/1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	2.12	Trung bình	
93	17005116	Võ Duy Ngân	ICTP17A1	04/3/1999	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	2.51	Khá	
94	17005122	Trần Thị Bích Ngọc	ICTP17A1	12/10/1999	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	3.05	Khá	
95	17005153	Lê Thanh Phong	ICTP17A2	30/5/1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	2.67	Khá	
96	17005163	Nguyễn Tấn Phương	ICTP17A2	11/11/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.12	Trung bình	
97	17005181	Nguyễn Huỳnh Như Thanh	ICTP17A2	19/6/1999	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	2.42	Trung bình	
98	17005186	Nguyễn Thị Phương Thảo	ICTP17A2	15/11/1999	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	3.46	Giỏi	
99	17005218	Lê Huỳnh Trân	ICTP17A2	08/10/1999	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	2.07	Trung bình	
100	17005226	Võ Minh Triết	ICTP17A2	14/7/1999	Cần Thơ	Nam	Kinh	2.45	Trung bình	
101	17005233	Lê Minh Truyền	ICTP17A2	13/3/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.36	Trung bình	
VI	Ngành Công nghệ thông tin									
102	14004053	Diệp Khôi Nguyên	ICTT14A	25/9/1996	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.04	Trung bình	
103	16004013	Nguyễn Cao Duy	ICTT16A	22/8/1998	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.6	Khá	
104	16004020	Nguyễn Phương Hằng	ICTT16A	18/5/1998	Trà Vinh	Nữ	Kinh	2.32	Trung bình	
105	17004001	Lê Thúy An	ICTT17A1	31/12/1999	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	2.72	Khá	
106	17004016	Võ Thị Yến Chi	ICTT17A1	07/4/1999	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	3.01	Khá	
107	17004017	Nguyễn Thiện Công	ICTT17A1	03/10/1996	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.27	Giỏi	
108	17004019	Trần Trí Cường	ICTT17A1	21/8/1999	Tiền Giang	Nam	Kinh	2.96	Khá	
109	17004020	Nguyễn Quốc Cường	ICTT17A1	21/5/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.46	Trung bình	
110	17004025	Nguyễn Hải Đăng	ICTT17A1	06/11/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.65	Khá	
111	17004031	Huỳnh Thị Bé Diệu	ICTT17A1	10/01/1998	Bến Tre	Nữ	Kinh	3.29	Giỏi	
112	17004033	Nguyễn Thành Đông	ICTT17A1	16/12/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.55	Khá	
113	17004035	Nguyễn Văn Đức	ICTT17A1	27/5/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.48	Trung bình	
114	17004038	Phạm Trọng Duy	ICTT17A1	27/11/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.25	Trung bình	
115	17004041	Cao Võ Anh Duy	ICTT17A1	01/9/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.29	Trung bình	
116	17004047	Phạm Thanh Duy	ICTT17A1	10/10/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.35	Trung bình	
117	17004055	Lâm Khả Hân	ICTT17A1	14/9/1999	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	2.53	Khá	
118	17004060	Hoàng Phúc Hậu	ICTT17A1	05/12/1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	2.85	Khá	
119	17004063	Trần Phi Hùng	ICTT17A1	27/5/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.43	Trung bình	
120	17004073	Nguyễn Hoàng Kha	ICTT17A1	05/8/1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	3.1	Khá	
121	17004075	Trịnh Tường Khâm	ICTT17A1	08/3/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.1	Khá	
122	17004076	Võ Đức Khang	ICTT17A1	14/01/1998	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.34	Trung bình	
123	17004078	Nguyễn Trung Khánh	ICTT17A1	27/9/1999	Cần Thơ	Nam	Kinh	2.63	Khá	
124	17004082	Mai Đăng Khoa	ICTT17A1	07/10/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.44	Trung bình	
125	17004085	Nguyễn Phạm Tuấn Kiệt	ICTT17A1	10/8/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.39	Trung bình	
126	17004089	Nguyễn Thị Tiểu Lan	ICTT17A1	01/9/1999	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	2.85	Khá	
127	17004091	Nguyễn Hoàng Lân	ICTT17A1	20/9/1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	2.44	Trung bình	
128	17004100	Phạm Hoàng Minh	ICTT17A1	22/3/1999	Bến Tre	Nam	Kinh	2.6	Khá	
129	17004102	Phạm Bảo Minh	ICTT17A1	01/01/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.4	Giỏi	
130	17004110	Trần Quốc Nam	ICTT17A1	22/7/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.56	Khá	
131	17004112	Trần Thị Diễm Ngân	ICTT17A1	16/8/1999	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	3.5	Giỏi	
132	17004116	Huỳnh Phúc Nghiêm	ICTT17A1	18/7/1998	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.39	Trung bình	
133	17004120	Hà Hoàng Nguyên	ICTT17A1	18/10/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.72	Khá	
134	17004122	Trần Thanh Trúc Nhã	ICTT17A2	12/12/1999	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	2.33	Trung bình	

TT	Mã SV	Họ và tên	Mã lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	ĐTBCTL	Hạng tốt nghiệp	Ghi chú
135	17004123	Huỳnh Hữu Nhân	1CTT17A2	07/4/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.22	Trung bình	
136	17004130	Trương Phan Tú Nhi	1CTT17A2	26/11/1999	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	2.26	Trung bình	
137	17004134	Võ Thị Hồng Nhung	1CTT17A2	31/10/1999	Đồng Tháp	Nữ	Kinh	2.33	Trung bình	
138	17004136	Dương Phạm Tuấn Phát	1CTT17A2	20/11/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.33	Trung bình	
139	17004141	Phạm Hồng Phúc	1CTT17A2	26/8/1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	2.41	Trung bình	
140	17004159	Lương Hồng Sơn	1CTT17A2	03/3/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.06	Trung bình	
141	17004177	Phạm Hoàng Thông	1CTT17A2	14/5/1999	Bến Tre	Nam	Kinh	2.56	Khá	
142	17004186	Nguyễn Minh Thùy	1CTT17A2	02/12/1999	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	2.44	Trung bình	
143	17004203	Nguyễn Thị Thủy Trang	1CTT17A2	23/02/1999	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	2.82	Khá	
144	17004223	Nguyễn Thanh Tuấn	1CTT17A2	29/12/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.29	Trung bình	
145	17004229	Nguyễn Thị Tường Vi	1CTT17A2	15/6/1999	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	2.65	Khá	
VII	Ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử									
146	15003098	Trần Thanh Nhân	1DDT15A	12/12/1997	Đồng Tháp	Nam	Kinh	2.64	Khá	
147	15003155	Đinh Hoàng Tiêm	1DDT15A	16/11/1994	Cà Mau	Nam	Kinh	3.08	Khá	
148	16003072	Hồ Minh Đại	1DDT16A	05/11/1998	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.07	Khá	
149	17003012	Thái Kỳ Anh	1DDT17A1	26/8/1998	Bạc Liêu	Nam	Kinh	2.32	Trung bình	
150	17003016	Trịnh Hoàng Bảo	1DDT17A1	14/01/1996	An Giang	Nam	Kinh	2.69	Khá	
151	17003023	Phạm Quốc Danh	1DDT17A1	25/6/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.35	Trung bình	
152	17003058	Phan Văn Hòa	1DDT17A1	01/7/1999	An Giang	Nam	Kinh	2.85	Khá	
153	17003122	Nguyễn Hoàng Phở	1DDT17A2	16/10/1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	3.36	Giỏi	
154	17003142	Hồ Văn Quý	1DDT17A2	18/10/1998	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.24	Giỏi	
VIII	Ngành Công nghệ kỹ thuật nhiệt									
155	17013014	Nguyễn Khắc Minh	1KTN17A	15/4/1999	An Giang	Nam	Kinh	2.54	Khá	
156	17013015	Nguyễn Thành Nam	1KTN17A	11/9/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.25	Trung bình	
157	17013020	Trần Văn Sĩ	1KTN17A	15/6/1999	Sóc Trăng	Nam	Kinh	2.6	Khá	
158	17013027	Lê Thanh Vàng	1KTN17A	08/01/1999	Cà Mau	Nam	Kinh	2.78	Khá	
IX	Ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô									
159	15001013	Trương Quốc Công	1OTO15A	02/3/1997	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.13	Trung bình	
160	16001001	Đinh Hữu Bá	1OTO16A	27/02/1997	Đồng Tháp	Nam	Kinh	2.44	Trung bình	
161	16001006	Lê Quốc Bảo	1OTO16A	20/11/1998	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.83	Khá	
162	16001050	Đặng Văn Phúc Hậu	1OTO16A	22/04/1998	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.32	Trung bình	
163	16001061	La Nguyễn Phước Hưng	1OTO16A	08/01/1998	Vĩnh Long	Nam	Hoa	3.39	Giỏi	
164	16001085	Trương Đình Khôi	1OTO16A	09/4/1998	Cần Thơ	Nam	Kinh	3.16	Khá	
165	16001093	Dương Thanh Liêm	1OTO16A	08/01/1998	Kiên Giang	Nam	Kinh	2.11	Trung bình	
166	16001129	Nguyễn Duy Nhật	1OTO16A	09/8/1998	Đồng Tháp	Nam	Kinh	2.71	Khá	
167	16001212	Huỳnh Bảo Việt	1OTO16A	12/01/1998	Trà Vinh	Nam	Kinh	3.05	Khá	
168	16001227	Nguyễn Văn Hiếu	1OTO16A	23/02/1997	Cần Thơ	Nam	Kinh	2.32	Trung bình	
169	16001236	Ngô Quốc Thắng	1OTO16A	10/01/1998	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.67	Khá	
170	16001242	Lê Tấn Hưng	1OTO16A	16/10/1998	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.14	Khá	
171	17001004	Lê Hoàng An	1OTO17A1	07/6/1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	3.37	Giỏi	
172	17001006	Dương Nguyễn Tuấn Anh	1OTO17A1	10/6/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.54	Giỏi	
173	17001015	Trần Nguyễn Gia Bảo	1OTO17A1	22/8/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.6	Khá	
174	17001019	Nguyễn Ngân Bình	1OTO17A1	01/01/1999	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	2.78	Khá	
175	17001021	Nguyễn Phú Bình	1OTO17A1	16/7/1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	3.19	Khá	
176	17001032	Nguyễn Trí Cường	1OTO17A1	10/9/1999	Kiên Giang	Nam	Kinh	3.22	Giỏi	
177	17001034	Lê Thành Đặng	1OTO17A1	09/3/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.38	Trung bình	
178	17001035	Đỗ Thành Danh	1OTO17A1	26/3/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.41	Giỏi	
179	17001040	Đặng Phát Đạt	1OTO17A1	01/9/1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	3.6	Xuất sắc	

TT	Mã SV	Họ và tên	Mã lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	ĐTBCTL	Hạng tốt nghiệp	Ghi chú
180	17001044	Tạ Hoàng Dũng	1OTO17A1	27/3/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.96	Khá	
181	17001048	Nguyễn Khánh Duy	1OTO17A1	27/10/1999	Bến Tre	Nam	Kinh	3.25	Giỏi	
182	17001049	Trương Khánh Duy	1OTO17A1	18/5/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.45	Trung bình	
183	17001055	Nguyễn Trần Anh Giới	1OTO17A1	26/5/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.26	Trung bình	
184	17001070	Nguyễn Hữu Học	1OTO17A1	20/4/1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	2.5	Khá	
185	17001082	Trần Thiện Khiêm	1OTO17A1	20/3/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.67	Khá	
186	17001090	Dương Hoài Linh	1OTO17A1	10/3/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.52	Khá	
187	17001102	Võ Kha Ly	1OTO17A1	04/4/1998	Đồng Tháp	Nam	Kinh	2.75	Khá	
188	17001116	Võ Phan Hoài Nghĩa	1OTO17A1	15/4/1999	Bến Tre	Nam	Kinh	3.47	Giỏi	
189	17001118	Lê Nhật Nguyên	1OTO17A1	15/11/1999	Tiền Giang	Nam	Kinh	2.93	Khá	
190	17001124	Nguyễn Thành Nhân	1OTO17A2	28/01/1999	Trà Vinh	Nam	Kinh	2.99	Khá	
191	17001125	Trần Thanh Nhân	1OTO17A2	26/6/1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	2.59	Khá	
192	17001126	Nguyễn Phú Nhân	1OTO17A2	03/7/1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	2.6	Khá	
193	17001128	Huỳnh Minh Nhật	1OTO17A2	23/5/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.65	Khá	
194	17001135	Lê Văn Nhựt	1OTO17A2	05/5/1999	Sóc Trăng	Nam	Kinh	3.07	Khá	
195	17001136	Son Phi Ni	1OTO17A2	01/01/1999	Trà Vinh	Nam	Khmer	2.77	Khá	
196	17001138	Nguyễn Thành Phát	1OTO17A2	20/01/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.78	Khá	
197	17001145	Huỳnh Hải Phụng	1OTO17A2	05/5/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.15	Khá	
198	17001167	Mai Thanh Tâm	1OTO17A2	16/5/1999	Trà Vinh	Nam	Kinh	2.92	Khá	
199	17001171	Nguyễn Hồng Thái	1OTO17A2	20/8/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.73	Khá	
200	17001179	Đặng Đình Thảo	1OTO17A2	12/8/1999	Hưng Yên	Nam	Kinh	3	Khá	
201	17001180	Danh Út Thảo	1OTO17A2	01/5/1999	Kiên Giang	Nam	Khmer	2.46	Trung bình	
202	17001191	Võ Minh Thuận	1OTO17A2	13/7/1999	Cần Thơ	Nam	Kinh	3.26	Giỏi	
203	17001193	Đặng Minh Tiến	1OTO17A2	08/3/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.48	Trung bình	
204	17001220	Đỗ Thanh Tùng	1OTO17A2	14/3/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.68	Khá	
205	17001221	Thạch Thanh Tùng	1OTO17A2	30/7/1999	Trà Vinh	Nam	Khmer	2.71	Khá	
206	17001229	Lương Bảo Vinh	1OTO17A2	02/10/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.93	Khá	
207	18001037	Điều Minh Đạt	1OTO18A1	10/12/2000	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.38	Giỏi	
208	18001073	Đoàn Hoàng Hiếu	1OTO18A1	23/12/2000	Cần Thơ	Nam	Kinh	3.57	Giỏi	
209	18001139	Nguyễn Kim Ngân	1OTO18A1	01/12/2000	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	3.86	Xuất sắc	
210	18001161	Đỗ Thành Phú	1OTO18A1	20/6/2000	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.58	Giỏi	
211	18001179	Nguyễn Trí Tài	1OTO18A1	29/9/2000	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.76	Xuất sắc	
212	18001181	Nguyễn Hoàng Duy Tâm	1OTO18A1	28/4/2000	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.45	Giỏi	
213	18001201	Đồng Trung Tính	1OTO18A1	09/9/2000	Trà Vinh	Nam	Kinh	2.85	Khá	
214	18001211	Nguyễn Vũ Trường	1OTO18A1	07/9/2000	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.18	Khá	
215	18001377	Đặng Minh Thắng	1OTO18A2	13/3/2000	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.15	Khá	
216	18001381	Nguyễn Thị Thu Thảo	1OTO18A2	19/02/2000	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	3.32	Giỏi	
217	18001394	Trịnh Thị Phương Thùy	1OTO18A2	26/3/2000	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	3.35	Giỏi	
218	18001419	Phùng Duy Trường	1OTO18A2	03/9/2000	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.96	Khá	

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Lao Hùng Phi

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG BÁC SĨ THỦ Y HỆ CHÍNH QUY - ĐỢT 1 NĂM 2022

(Kèm theo quyết định số: 39/QĐ-ĐHSPKTVL-ĐT ngày 25 tháng 3 năm 2022)

TT	Mã SV	Họ và tên	Mã lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	ĐTBCTL	Hạng tốt nghiệp	Ghi chú
1	16010013	Hồ Nguyễn Dũng Đạt	IBTY16A	30/10/1998	Bến Tre	Nam	Kinh	2.62	Khá	
2	16010068	Võ Thị Vĩnh Nghi	IBTY16A	08/9/1998	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	2.82	Khá	
3	16010137	Phan Khánh Vinh	IBTY16A	23/02/1998	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.39	Trung bình	
4	16010148	Nguyễn Thị Ngân Hà	IBTY16A	15/01/1998	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	2.65	Khá	
5	16010153	Nguyễn Thị Ngọc Ngân	IBTY16A	15/11/1997	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	3.11	Khá	
6	16010163	Đỗ Lê Tuấn Cảnh	IBTY16A	01/6/1998	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.64	Xuất sắc	
7	17010003	Huỳnh Ngọc Ân	IBTY17A1	30/10/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.88	Khá	
8	17010004	Nguyễn Quốc Anh	IBTY17A1	03/9/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.95	Khá	
9	17010008	Phạm Thị Trang Anh	IBTY17A1	12/5/1999	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	3.57	Giỏi	
10	17010009	Nguyễn Hoàng Anh	IBTY17A1	30/10/1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	2.91	Khá	
11	17010013	Phạm Hoài Bảo	IBTY17A1	01/7/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.25	Giỏi	
12	17010017	Chiêm Bích Chi	IBTY17A1	26/6/1999	Kiên Giang	Nữ	Hoa	2.88	Khá	
13	17010019	Võ Hải Đăng	IBTY17A1	03/8/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.55	Khá	
14	17010025	Son Bạch Dương	IBTY17A1	25/11/1999	Vĩnh Long	Nam	Khmer	3.08	Khá	
15	17010027	Đặng Nhật Duy	IBTY17A1	23/3/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.6	Khá	
16	17010039	Trương Lý Gia Hân	IBTY17A1	27/4/1999	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	3.06	Khá	
17	17010040	Huỳnh Minh Hậu	IBTY17A1	13/10/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.51	Giỏi	
18	17010045	Trần Thanh Hoài	IBTY17A1	11/3/1999	Trà Vinh	Nam	Kinh	2.73	Khá	
19	17010049	Thái Thị Cẩm Hương	IBTY17A1	06/9/1999	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	3.62	Xuất sắc	
20	17010051	Ngô Khánh Huy	IBTY17A1	25/6/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.35	Giỏi	
21	17010053	Trần Phạm Mỹ Huyền	IBTY17A1	15/12/1999	Cần Thơ	Nữ	Kinh	3.26	Giỏi	
22	17010057	Nguyễn Hoàng Khang	IBTY17A1	27/12/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.41	Giỏi	
23	17010059	Võ Duy Khang	IBTY17A1	16/8/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.86	Xuất sắc	
24	17010061	Nguyễn Quốc Khánh	IBTY17A1	12/3/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.52	Khá	
25	17010073	Phan Bội Linh	IBTY17A1	22/8/1999	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	2.58	Khá	
26	17010083	Trương Ngọc Mỹ	IBTY17A1	02/10/1999	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	3.08	Khá	
27	17010085	Phạm Thị Kim Ngân	IBTY17A1	24/4/1999	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	2.75	Khá	
28	17010087	Nguyễn Thị Hồng Ngân	IBTY17A1	08/6/1999	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	3.14	Khá	
29	17010092	Nguyễn Thị Bích Ngọc	IBTY17A1	03/8/1999	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	3.87	Xuất sắc	
30	17010094	Trương Lê Thảo Nguyên	IBTY17A2	01/3/1999	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	3.01	Khá	
31	17010101	Hồ Thị Tuyết Nhi	IBTY17A2	27/7/1999	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	3.03	Khá	
32	17010104	Nguyễn Thị Huỳnh Như	IBTY17A2	23/11/1999	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	3.27	Giỏi	
33	17010105	Trần Thị Nhung	IBTY17A2	13/6/1999	Bến Tre	Nữ	Kinh	3.75	Xuất sắc	
34	17010112	Đinh Hoài Phong	IBTY17A2	13/11/1999	Cần Thơ	Nam	Kinh	2.75	Khá	
35	17010117	Trần Bình Phước	IBTY17A2	29/8/1999	Kiên Giang	Nam	Kinh	3.21	Giỏi	
36	17010127	Trần Chí Tâm	IBTY17A2	07/4/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.8	Xuất sắc	
37	17010135	Nguyễn Thị Thảo	IBTY17A2	04/4/1999	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	3.09	Khá	
38	17010151	Trương Thị Cúc Tiên	IBTY17A2	15/01/1999	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	3.58	Giỏi	
39	17010159	Lý Lê Ngọc Trân	IBTY17A2	06/9/1999	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	3.11	Khá	
40	17010161	Nguyễn Thị Tú Trinh	IBTY17A2	12/11/1999	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	2.87	Khá	
41	17010162	Trương Xuân Trúc	IBTY17A2	16/7/1999	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	3.34	Giỏi	
42	17010165	Huỳnh Nhật Trường	IBTY17A2	13/4/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	3.72	Xuất sắc	
43	17010172	Võ Mai Thảo Vi	IBTY17A2	30/01/1999	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	3.22	Giỏi	



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Lao Hùng Phi

**DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN
HỆ CHÍNH QUY - ĐỢT 1 NĂM 2022**

(Kèm theo quyết định số: 39/QĐ-ĐHSPKTVL-ĐT ngày 25 tháng 3 năm 2022)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngành đào tạo	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	ĐTBCTL	Hạng tốt nghiệp	Ghi chú
1	17011002	Võ Thị Kiều Anh	Công tác xã hội	18/9/1999	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	3.19	Khá	
2	17011003	Nguyễn Thị Huệ Anh		08/8/1999	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	3.16	Khá	
3	17011040	Nguyễn Đình Thi		27/12/1999	Vĩnh Long	Nam	Kinh	2.73	Khá	
4	17011050	Phạm Phương Uyên		04/02/1999	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	3.07	Khá	

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Lao Hùng Phi